TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 07/8/2018.
V/v tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Lại Hiệp Phong.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Trương Phước Công.

Ông Ngô Văn Mừng.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang*:** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 417/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018 về việc tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Mỹ T, sinh năm 1986; (có mặt).

Cư trú: Ấp L, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Phan Vũ P, sinh năm 1982; (có văn bản đề nghị vắng mặt).

Cư trú: Ấp L, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Thị Mỹ T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông P quen biết, tìm hiểu nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý và tổ chức lễ cưới vào năm 2000. Hai người không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà và ông P sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do hai người tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hai người không còn sống chung khoảng 02 năm nay. Nay, nhận thấy tình cảm không còn, hai người sống chung không tìm thấy hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông Phan Vũ P.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Phan Thị Y P, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2002 và Phan Văn Vũ H, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2007 đang do bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà thống nhất theo ý kiến của các con, nguyện vọng các con muốn sống cùng ai thì người đó có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng. Trường hợp, nguyên vọng các con muốn sống cùng bà thì bà không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Vũ P trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất theo lời trình bày của bà T về thời gian cưới nhau cũng như nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn và thời gian hai người không còn sống chung với nhau. Nay, bà T yêu cầu ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Phan Thị Y P, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2002 và Phan Văn Vũ H, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2007 đang do bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông thống nhất theo ý kiến của các con, nguyện vọng con muốn sống cùng ai thì người đó có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng. Trường hợp, nguyên vọng các con muốn sống cùng ông thì ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Bà T và ông P cưới nhau vào năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn nên không đợc pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà T và ông P là vợ chồng.

Về con chung: Bà T và ông P thống nhất theo nguyên vọng của các con. Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của các cháu và nguyện vọng cháu Hải muốn sống với ông P, nguyện vọng cháu P muốn sống cùng bà T. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Hải cho ông P và bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P. Do ông P, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến.

Về tài sản chung chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, xem xét quyết định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bà T khởi kiện ly hôn với ông P, ông P có nơi cư trú ấp L, xã K, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Phan Vũ P có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1]. Về hôn nhân: Bà T và ông P quen biết, tìm hiểu nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý và tổ chức lễ cưới vào năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn. Ông bà có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình quy định "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng". Xét, không công nhận bà Phan Thị Mỹ T và ông Phan Vũ P là vợ chồng.

[2]. Về con chung: Bà T và ông P xác định có 02 (hai) con chung tên Phan Thị Y P, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2002 và Phan Văn Vũ H, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2007 đang được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông bà thống nhất theo nguyện vọng của các con. Xét, nguyện vọng cháu Hải muốn sống với ông P, nguyện vọng cháu P muốn sống cùng bà T. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Hải cho ông P chăm sóc, nuôi dưỡng, bà T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P.

[3]. Về cấp dưỡng cho con: Do bà T, ông P đều không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Bà T và ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[5]. Về nợ chung: Bà T và ông P xác định không có nên không đề cập đến.

Ghi nhận việc bà T và ông P xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của hai người trong thời kỳ hôn nhân thì bà T và ông P vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[6]. Về án phí: Đương sự pH chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ :

Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Các Điều 28, 35, 39, 228, 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

***Tuyên xử*:**

Về hôn nhân: Không công nhận bà Phan Thị Mỹ T và ông Phan Vũ P là vợ chồng.

Về con chung: Bà Phan Thị Mỹ T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Thị Y P, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2002; ông Phan Vũ P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Văn Vũ H, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2007.

Về cấp dưỡng cho con: Do bà T, ông P không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên không đề cập giải quyết.

Bà T, ông P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập giải quyết.

Về án phí: Bà Phan Thị Mỹ T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng đã nộp theo biên lai số 0019754 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 06 tháng 6 năm 2018.

Về quyền kháng cáo:

Bà T có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Ông P có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Lại Hiệp Phong